

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-BCT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 48/TTr-SCT ngày 14 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Có Danh mục các thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2025 và sửa đổi các thủ tục hành chính số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 08, 09 Mục I, Phần B; bãi bỏ thủ tục hành chính số 07 Mục I, Phần B Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành mới ban hành; thủ tục hành

chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/cáo);
- Sở Công Thương;
- Viễn Thông Kon Tum (để phối hợp);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Các Phó Chánh Văn phòng;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Phòng Kinh tế ngành;
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 291 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH (Nội dung quy định sửa đổi TTHC theo Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
							Trực tiếp	Trực tuyến	BCCI
1	2.000666.000.00.00.H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	x	x	x

2	2.000664. 000.00.00. H34	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	x	x	x
3	2.000673. 000.00.00. H34	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;	x	x	x

					2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.			
4	2.000669. 000.00.00. H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	x	x	x
5	2.000672. 000.00.00. H34	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Tổ chức, doanh nghiệp là	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;	x	x	x

					1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.			
6	2.000648.000.00.00.H34	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện:	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT	x	x	x

					thu 50% phí thẩm định.	ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.			
7	2.000645. 000.00.00. H34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	x	x	x
8	2.000647. 000.00.00. H34	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1. Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;	x	x	x

					+ Tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Tại các huyện: thu 50% phí thẩm định.	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.			
--	--	--	--	--	---	---	--	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CẤP TỈNH

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	2.000674.000 .00.00.H34	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Tổng cộng: 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh (trong đó: 08 TTHC sửa đổi; 01 TTHC bị bãi bỏ)